

Số: 31 /KH-UBND

Hưng Yên, ngày 21 tháng 02 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện với những nội dung như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được xác định trong Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Xác định rõ các chỉ tiêu tổng hợp, chỉ tiêu chuyên ngành; những nhiệm vụ, giải pháp và thời gian thực hiện để các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

2. Quán triệt, chấp hành nghiêm, thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, thực chất các Nghị quyết, Kết luận của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp theo đúng quy định của Hiến pháp năm 2013; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và phát triển các ý tưởng kinh doanh mới, sáng tạo. Cải cách theo hướng giảm số lượng thủ tục, thời gian, chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp.

3. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực và tăng cường giám sát, kiểm tra; nâng cao chất lượng thực thi văn bản pháp luật, kiên quyết cắt giảm thủ tục hành chính gây chi phí cho người dân, doanh nghiệp; giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng thời hạn và không được đặt thêm các yêu cầu, điều kiện đối với doanh nghiệp. Thiết lập cơ chế rõ ràng về bảo vệ cán bộ khi giải quyết thủ tục đầu tư, kinh doanh trong trường hợp có sự không thống nhất, khác biệt về quy định giữa các văn bản pháp luật.

4. Duy trì và nhân rộng các chính sách tốt, tiên tiến về quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Kịp thời tạo lập và hoàn thiện thể chế, chính sách về môi trường kinh doanh để thích ứng linh hoạt, phù hợp với những xu thế phát triển mới như: đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh....

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

- Cải thiện mạnh mẽ chất lượng môi trường kinh doanh để phù hợp với bối cảnh và xu thế phát triển nhằm nâng cao vị thế của tỉnh Hưng Yên trên bảng xếp hạng PCI của cả nước. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp mới thành lập; giảm tỷ lệ doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; tăng số lượng doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; giảm chi phí đầu vào và chi phí tuân thủ pháp luật trong hoạt động đầu tư, kinh doanh; rủi ro chính sách; củng cố niềm tin, tạo điểm tựa phục hồi và nâng cao sức chống chịu của doanh nghiệp.

- Tạo dựng môi trường kinh doanh, đầu tư của tỉnh thông thoáng, minh bạch, thân thiện, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh là nhiệm vụ quan trọng và khát vọng chung của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh nhằm phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân. Tạo động lực mạnh mẽ thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

### 2. Mục tiêu cụ thể năm 2024

- Duy trì và phấn đấu cải thiện điểm số của từng chỉ số thành phần, nâng dần vị trí xếp hạng PCI của tỉnh. Đến năm 2024 ở năm trong nhóm 10 địa phương có chất lượng điều hành “Tốt”.

- Tập trung thu hút và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp lớn trong nước đến đầu tư và kinh doanh; phấn đấu thu hút được từ 01 đến 02 tập đoàn kinh tế lớn nước ngoài, công ty xuyên quốc gia đầu tư vào tỉnh.

- Phấn đấu có ít nhất từ 01 đến 02 cụm công nghiệp đi vào hoạt động.

- Phấn đấu có thêm ít nhất 01 KCN mở rộng đi vào hoạt động

- Được cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở để triển khai thực hiện các quy hoạch theo quy định, đảm bảo theo mục tiêu Nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra.

## III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

### 1. Tháo gỡ bất cập pháp lý trong thực hiện dự án đầu tư

a) Các sở, ngành, địa phương, trong phạm vi thẩm quyền, chủ động và khẩn trương tháo gỡ triệt để các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác nhau của các quy định pháp luật. Đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền thì tập hợp vấn đề kèm theo các giải pháp tương ứng (nếu có) để kiến nghị tới các cơ quan có thẩm quyền; đồng thời gửi kiến nghị tới Tổ công tác đặc biệt để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ hiệu

quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 905a/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên).

b) Tổ công tác đặc biệt của Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời nhận diện các vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư và triển khai các dự án đầu tư; ban hành các văn bản hướng dẫn để tháo gỡ khó khăn hoặc đề xuất hướng xử lý những vướng mắc thuộc chức năng của các cấp có thẩm quyền; theo dõi, đôn đốc, giám sát quá trình giải quyết các vướng mắc, khó khăn.

## **2. Nâng cao chất lượng cải cách danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh.**

a) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chủ động nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; kiến nghị cấp có thẩm quyền đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn.

- Chủ động rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh theo hướng: (i) Bãi bỏ điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, khó dự đoán, và không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng; (ii) Đối với các điều kiện kinh doanh không phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ và không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp; và (iii) Rà soát các loại chứng chỉ và kiến nghị bãi bỏ chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ có sự trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí chi phí của xã hội.

- Thực hiện cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật lên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình về văn bản pháp luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật. Đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin liên quan khác để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình tra cứu, khai thác các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh. Tích cực thực hiện tham vấn, tương tác với người dân, doanh nghiệp, đối tượng chịu sự tác động của quy định, văn bản quy phạm pháp luật thông qua Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh; khai thác dữ liệu trên Cổng để phục vụ công tác thẩm định, thẩm tra và rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

b) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

c) Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương khẩn trương rà soát những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và đề xuất cấp có thẩm quyền, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật.

d) Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan:

- Nghiên cứu, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi các văn bản pháp luật để giảm gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp, tháo gỡ những bất cập về điều kiện kinh doanh trong kinh doanh vận tải đường bộ bằng xe ô tô và trong lĩnh vực đào tạo, sát hạch lái xe.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các giải pháp đảm bảo hạ tầng đồng bộ, đủ năng lực tiếp nhận, sàng lọc, khai thác và sử dụng dữ liệu kết nối từ doanh nghiệp, nhất là dữ liệu camera từ xe ô tô kinh doanh vận tải.

### **3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đẩy mạnh cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa và triển khai hiệu quả Cổng thông tin một cửa quốc gia.**

a) Các sở, ngành: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị cắt giảm danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành. Đối với các sản phẩm, hàng hóa được cắt giảm, quản lý theo nguyên tắc cơ quan có thẩm quyền quy định tiêu chuẩn an toàn, người sản xuất, kinh doanh tự tuân thủ. Việc rà soát, sửa đổi danh mục mặt hàng thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: (i) Cắt giảm các mặt hàng có mức độ rủi ro rất thấp hoặc gần như không có rủi ro; (ii) Bổ sung danh mục mặt hàng miễn, giảm kiểm tra chuyên ngành.

- Nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại các văn bản pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: (i) Áp dụng đầy đủ nguyên tắc về quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và mức độ rủi ro của hàng hóa; phân biệt những vi phạm nhỏ mang tính hành chính, không ảnh hưởng đến giá trị và chất lượng của hàng hóa; và (ii) Đơn giản hóa hồ sơ, quy trình, rút ngắn tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

- Nhân rộng các kinh nghiệm chính sách tốt đã được chứng minh hiệu quả về cách thức quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. Trong đó,

đặc biệt chú trọng nhân rộng quy định về áp dụng quản lý rủi ro; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Nghiên cứu, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng: (i) Miễn kiểm tra chuyên ngành đối với các mặt hàng doanh nghiệp nhập khẩu số lượng nhỏ để sử dụng nội bộ và các sản phẩm, hàng hóa đã sản xuất theo quy trình, công nghệ tiên tiến; (ii) Thừa nhận kết quả kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền của các nước có công nghệ tiên tiến; trao đổi, chia sẻ, chấp nhận chứng từ quản lý, kiểm tra chuyên ngành điện tử với các nước như Giấy chứng nhận kiểm dịch (e-phyto), Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS),...;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành sau khi hàng hóa thông quan, lưu thông trên thị trường. Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan hải quan đối với hàng hóa sau thông quan; giảm thiểu kiểm tra đối với những doanh nghiệp có quá trình chấp hành tốt và không có lịch sử vi phạm các quy định pháp luật.

- Nghiên cứu, kiến nghị xây dựng pháp luật và nâng cao năng lực cho việc áp dụng phương thức kiểm tra tại nguồn và kiểm tra tại khâu lưu thông trên thị trường nội địa.

- Nâng cấp, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, thực chất thủ tục điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống thông tin dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành liên quan.

c) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan:

- Thực hiện ngay việc cắt giảm các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhất là các quy định trong lĩnh vực dược, khám bệnh, chữa bệnh, an toàn thực phẩm....

- Đẩy mạnh áp dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành, nhất là các thủ tục đăng ký thuốc, kê khai giá thuốc, công bố và tự công bố thực phẩm. Nghiêm túc thực hiện quy định "Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần" tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và không được yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ ngoài quy định của pháp luật.

**4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao chất lượng quy định thủ tục hành chính và hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.**

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định để bảo đảm mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính theo yêu cầu tại Phụ lục.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế Một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cấp, phát triển Công Dịch vụ công của tỉnh tích hợp, kết nối với Công Dịch vụ công quốc gia, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử đáp ứng các chỉ tiêu, yêu cầu tại Phụ lục.

### **5. Tăng khả năng tiếp cận và hấp thụ vốn cho doanh nghiệp.**

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Điều hành các công cụ chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, nới lỏng phù hợp, kịp thời, hiệu quả để tạo điều kiện thanh khoản cho các tổ chức tín dụng, hỗ trợ ổn định mặt bằng lãi suất tiền gửi phù hợp với tình hình thị trường; thực hiện các giải pháp điều hành phù hợp và chỉ đạo hệ thống tổ chức tín dụng thực hiện tiết kiệm chi phí hoạt động, tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin để tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất, nhất là giảm lãi suất cho vay theo quy định; nghiên cứu, thực hiện áp dụng đối với cả khoản vay mới và đang còn dư nợ.

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát và kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi các quy định liên quan nhằm đơn giản hóa thủ tục cho vay; khẩn trương rà soát, xem xét, sửa đổi phù hợp, thuận lợi hơn một số tiêu chí, điều kiện, hướng dẫn cho vay theo hướng tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các quỹ tín dụng nhân dân.

- Xác định hạn mức tăng trưởng tín dụng phù hợp với tình hình thực tiễn và công bố bằng biện pháp, hình thức phù hợp, hiệu quả chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng thương mại đến hết năm 2024, bảo đảm đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế; chú ý đến tín dụng bất động sản và tín dụng sản xuất kinh doanh nhằm hỗ trợ thị trường, góp phần khôi phục và khơi thông dòng vốn đầu tư và kinh doanh cho nền kinh tế.

- Đôn đốc, chỉ đạo, giám sát các tổ chức tín dụng rà soát, cắt, giảm thủ tục hành chính, các loại phí dịch vụ ngân hàng nhất là liên quan đến hoạt động xuất khẩu theo hướng tiết giảm chi phí, hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu; cương quyết cắt giảm các loại phí không cần thiết để hỗ trợ khách hàng vay vốn.

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Triển khai các biện pháp tăng cường chất lượng tín dụng, thúc đẩy xử lý nợ xấu, trích lập dự phòng rủi ro, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc phát sinh (nếu có) trong triển khai thực hiện.

- Tiếp tục quyết liệt theo thẩm quyền các biện pháp mạnh mẽ hơn nữa để thúc đẩy triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản

vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ; theo dõi sát tình hình thực hiện, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề vượt thẩm quyền để thúc đẩy việc tổ chức thực hiện; yêu cầu các tổ chức tín dụng tăng cường công tác thông tin truyền thông, hướng dẫn và giải thích cho khách hàng, đối tượng thụ hưởng chính sách rõ ràng, minh bạch.

- Tiếp tục rà soát gói tín dụng 120.000 tỷ đồng vay theo Chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo Nghị quyết 33/NQ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ với các điều kiện cho vay kịp thời, thuận lợi, thông thoáng, linh hoạt, khả thi, hợp lý hơn.

- Tiếp tục khẩn trương nghiên cứu rà soát, sửa đổi quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp để phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn.

- Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số; tổng kết, đánh giá thực hiện thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (mobile money) và kiến nghị, đề xuất chính sách quản lý phù hợp.

- Triển khai kịp thời, hiệu quả các giải pháp tập trung tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các động lực tăng trưởng, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường thông tin, truyền thông về chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, chủ trương giảm mặt bằng lãi suất cho vay, tạo thuận lợi trong tiếp cận tín dụng của người dân, doanh nghiệp để tạo sự đồng thuận xã hội, gia tăng niềm tin vào hệ thống ngân hàng.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình đáo hạn, việc trả nợ, đàm phán gia hạn thời gian trả nợ của từng doanh nghiệp, có giải pháp kịp thời, phù hợp; tăng cường thông tin, truyền thông kịp thời để giữ vững tâm lý thị trường, nhà đầu tư.

b) Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Thực hiện hiệu quả các chính sách gia hạn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất đã được cấp có thẩm quyền ban hành; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền các chính sách, giải pháp hỗ trợ về tài khóa nhưng không ảnh hưởng đến an toàn nợ công gắn với sử dụng vốn có hiệu quả.

- Khẩn trương rà soát các quy định pháp luật để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, hướng dẫn trong trường hợp cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi, thủ tục nhanh, gọn cho doanh nghiệp, bảo đảm thời gian hoàn thuế giá trị gia tăng nhanh nhất cho doanh nghiệp.

**6. Hoàn thiện chính sách nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hướng tới phát triển bền vững.**

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan:

- Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đề xuất các giải pháp tháo gỡ các vướng mắc trong triển khai thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) như: (i) Doanh nghiệp được thực hiện kết hợp cả hình thức tự tái chế và nộp tiền hỗ trợ tái chế trong cùng năm cho cùng một loại bao bì, sản phẩm thải bỏ; (ii) Doanh nghiệp nộp đóng góp tái chế trên cơ sở quyết toán theo số lượng thực tế khi kết thúc năm và thời hạn nộp đến hết quý I của năm tiếp theo; và (iii) Nghiên cứu, đề xuất chính sách ưu đãi đối với bao bì thân thiện với môi trường hoặc sử dụng vật liệu tái chế.

- Nghiên cứu đưa bùn thải sinh học từ hệ thống xử lý nước thải chế biến thủy sản vào loại chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế và cấp ký hiệu (TT-R) như quy định tại khoản 3, Điều 24, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường để các nhà máy thủy sản có thể giao cho các nhà máy sản xuất phân bón làm nguyên liệu sản xuất.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường làm nước tưới cây; nước thải từ hoạt động chăn nuôi, xử lý phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan:

- Triển khai và công bố Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tiếp tục phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục để xác định cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc Luật Đầu tư và/hoặc Nghị định của Chính phủ hướng dẫn luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.



- Nghiên cứu và góp ý hoàn thiện chính sách thuế, đất đai, đầu tư, tín dụng đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật và khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách thí điểm mô hình doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục và viện nghiên cứu. Xây dựng chương trình ươm tạo và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật và khu làm việc chung nhằm khuyến khích doanh nghiệp thúc đẩy nghiên cứu phát triển công nghệ và tạo ra sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng quy hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ toàn quốc.

- Tích cực, chủ động phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan để thu thập, cung cấp các dữ liệu tại địa phương và đặt mục tiêu cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương hàng năm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Các sở, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực hoạt động, mở rộng các thị trường tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

đ) Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí phục vụ nhiệm vụ khoa học công nghệ của tỉnh.

## **7. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh.**

a) Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng giải pháp tư vấn, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp với các nội dung tái cấu trúc doanh nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tham gia chuỗi giá trị bền vững, thủ tục hành chính,...

- Đa dạng hóa và phát triển hiệu quả hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở kỹ thuật dùng chung, hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan:

- Triển khai sâu rộng các hoạt động cung cấp thông tin, kết nối, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp trong nước. Đặc biệt, chú trọng tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại đến các thị trường xuất khẩu, trong đó ưu tiên gắn kết cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trên cả nước với cơ quan thương vụ các nước. Đồng thời, hỗ trợ hàng hóa trong nước tiếp cận mạng lưới hệ thống bán lẻ tại nước ngoài.

- Kịp thời cập nhật, tuyên truyền, phổ biến về các hàng rào kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ thương mại trong thương mại quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp chủ động nắm bắt, ứng phó kịp thời với các vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Công Thương tham gia xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về ngành hàng; thị trường; quy định, tiêu chuẩn, điều kiện nhập khẩu của các nước và các cam kết theo các Hiệp định thương mại tự do và các cam kết quốc tế khác; hỗ trợ miễn phí các thông tin này cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **8. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh**

- Các sở, ngành, địa phương tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI được đề ra tại Kết luận số 223-KL/TU ngày 24/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án đẩy mạnh thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh về Đề án đẩy mạnh thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp, nâng cao trách nhiệm, tinh thần, chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ nhằm cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Hưng Yên; Kết luận số 690-KL/TU ngày 21/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Kết luận số 223-KL/TU ngày 24/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Triển khai việc đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) để nâng cao chất lượng điều hành kinh tế, khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng cao chất lượng trong công tác điều hành kinh tế tại các ngành, các cấp.

- Rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính về quy trình, hồ sơ, xây dựng quy trình điện tử, quy trình liên thông thủ tục hành chính để đảm bảo 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và đồng bộ lên cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tập trung rà soát, chủ động cắt giảm, đơn giản hóa một cách thực chất các quy định về điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành, thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao; trong quý III và năm 2023, tập trung ưu tiên cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục về đầu tư, đăng ký kinh doanh, điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính trong các ngành, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp như xây dựng, bất động sản, thuế, hải

quan, điện, năng lượng, sản xuất, chế biến nông sản, xuất nhập khẩu, giáo dục, đào tạo, y tế, lý lịch tư pháp...

- Tuyệt đối không ban hành quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh mới làm phát sinh chi phí, thủ tục, thời gian không cần thiết, trái quy định cho doanh nghiệp, người dân.

- Chủ động cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với việc triển khai Đề án 06 và Chương trình chuyển đổi số quốc gia; tăng cường công tác truyền thông để nâng cao nhận thức tạo đồng thuận trong việc triển khai.

- Giám sát chặt chẽ việc triển khai giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia, bảo đảm đúng thời hạn xử lý theo quy định; thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và công bố, công khai các cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm trễ, gây phiền hà.

### **9. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành; kiên quyết khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong giải quyết công việc**

a) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ quy định của trung ương, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; có biện pháp xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức còn e dè, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

b) Các sở, ban, ngành, địa phương

- Quán triệt, thực hiện nghiêm Công điện số 280/CD-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; chủ động, tích cực thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không trình lên cấp trên và chịu trách nhiệm quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành, thực hiện nghiêm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh không đùn đẩy, để kéo dài công việc, làm lỡ thời cơ, cơ hội để tháo gỡ, hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, gây lãng phí nguồn lực.

- Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, để trì trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được cấp có thẩm quyền giao.

- Biểu dương, khen thưởng kịp thời và thích đáng đối với các cơ quan, tập thể, cán bộ, công chức quyết liệt trong thi hành công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Xác định cải thiện môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên; trực tiếp chỉ đạo, tập trung quán triệt, khẩn trương triển khai kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ nêu tại Kế hoạch này; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch này; kịp thời đề xuất, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề mới phát sinh, vượt thẩm quyền.

b) Triển khai xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch này, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện, gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo).

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình, Kế hoạch thực hiện các văn bản chỉ đạo về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đồng thời công khai các kết quả kiểm tra, giám sát. Phân công đơn vị làm đầu mối để thực hiện tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo tình hình cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của đơn vị mình.

d) Tổ chức các hoạt động truyền thông về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

đ) Coi trọng và thường xuyên chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp tổ chức các hoạt động đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt các phản hồi chính sách và giải quyết các khó khăn, vướng mắc; đảm bảo đối thoại thực chất, giải quyết ngay được các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Đồng thời, đổi mới việc tiếp nhận thông tin, phản ánh của doanh nghiệp và các nhà đầu tư để phòng ngừa các tranh chấp về thương mại và đầu tư.

e) Rà soát, điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra để đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo; không cản trở, gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp.

g) **Trước ngày 05 tháng 6 và ngày 05 tháng 12 năm 2024**, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch này giữa năm và 01 năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đánh giá về tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành liên quan để nắm bắt tình hình và kết quả cải thiện các chỉ số; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các khó khăn, vướng mắc; công khai kết quả theo dõi, đánh giá.

3. Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đánh giá tình hình và kết quả ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các khó khăn, vướng mắc.

4. Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các báo cáo, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về vướng mắc, khó khăn liên quan đến cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân; định kỳ hoặc đột xuất làm việc với cộng đồng doanh nghiệp, các cá nhân, tổ chức liên quan để lắng nghe, nhận diện các khó khăn, vướng mắc và kịp thời chỉ đạo tháo gỡ.

5. Hiệp hội doanh nghiệp phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các Hội doanh nghiệp, hội ngành hàng theo dõi, đánh giá độc lập, thường xuyên về tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết và triển khai công tác điều tra, công bố các chỉ số về cảm nhận của doanh nghiệp đối với các vấn đề, lĩnh vực môi trường kinh doanh; lồng ghép với đánh giá thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết và Kế hoạch này.

6. Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên, Báo Hưng Yên chủ động hỗ trợ các sở, ban, ngành tổ chức truyền thông, quán triệt, phổ biến Kế hoạch sâu rộng trong các ngành, các cấp và đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường sự theo dõi, giám sát của các cơ quan truyền thông, báo chí về kết quả thực hiện Kế hoạch./.

**Nơi nhận:** *VT*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH<sup>H</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Văn**

**Phụ lục**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,**  
**QUY ĐỊNH KINH DOANH NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số 31 /KH-UBND ngày 21 / 02 /2024 của UBND tỉnh)

| STT       | Chỉ tiêu  | Đơn vị | Chỉ tiêu năm 2024 | Cơ quan chủ trì thực hiện                         | Cơ quan chủ trì đánh giá |
|-----------|---|--------|-------------------|---|--------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh</b>   |        |                   |   |                          |
| 1         | Cập nhật dữ liệu quy định kinh doanh trên Cổng Tham vấn và Tra cứu quy định kinh doanh.   | %      | 100               | Sở Kế hoạch và Đầu tư                             | VP UBND tỉnh             |
| 2         | Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định, cắt giảm chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh  |        |                   |   |                          |
| 2.1.      | Đối với các sở, ban, ngành, địa phương có kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, chi phí tuân thủ quy định trong giai đoạn 2020-2023 dưới 15%       | %      | Tối thiểu 10      | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC)  |
| 2.2.      | Đối với các sở, ban, ngành, địa phương có kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, chi phí tuân thủ quy định trong giai đoạn 2020-2023 từ 15% trở lên | %      | Tối thiểu 5       | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC)  |
| <b>II</b> | <b>Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công</b>   |        |                   |   |                          |
| 1         | Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.                    | %      | Tối thiểu 80      | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC)  |
| 2         | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.                                       | %      | Tối thiểu 45      | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC)  |
| 3         | Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.   | %      | Tối thiểu 50      | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC)  |

|    |   |   |              |  |                         |
|----|---|---|--------------|--|-------------------------|
| 4  | Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.  | % | Tối thiểu 80 | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố  | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC) |
| 5  | Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.  | % | 100          | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố  | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC) |
| 6  | Tỷ lệ thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện.                         | % | 100          | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố  | Sở Tư pháp              |
| 7  | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.   | % | Tối thiểu 50 | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố  | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC) |
| 8  | Tỷ lệ các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí bằng bảo hiểm y tế trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.      | % | Tối thiểu 50 | Các bệnh viện, các trung tâm y tế cấp huyện, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế | Sở Y tế                 |
| 9  | Tỷ lệ công bố, công khai thủ tục hành chính đúng hạn.   | % | 100          | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố  | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC) |
| 10 | Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. | % | 100          | Văn phòng UBND tỉnh, cơ quan cung cấp Hệ thống thông tin quốc gia về TTTC  | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC) |
| 11 | Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.   | % | 100          | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố  | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC) |
| 12 | Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.                                 | % | Tối thiểu 90 | Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố  | VP UBND tỉnh (TTKSTTHC) |